

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số 19/2012/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về mức thu, đơn vị thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của HĐND tỉnh về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 134/TTr - STC-QLG&TS ngày 20 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, đơn vị thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Mức thu Phí vệ sinh: Theo Phụ lục chi tiết đính kèm.

2. Đối tượng thuộc các khu vực: Thành phố Lạng Sơn; thị trấn Cao Lộc, thị trấn Đồng Đăng; Khu kinh tế cửa khẩu: Tân Thanh, Cốc Nam – Huyện Văn Lãng; Hữu Nghị, Bảo Lâm – Huyện Cao Lộc; Chi Ma – Huyện Lộc Bình; Các thị trấn, thị tứ và khu vực còn lại nơi có hoạt động thu gom rác thải phải nộp Phí vệ sinh gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh;

b) Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp;

c) Cửa hàng, nhà hàng; khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ; kinh doanh dịch vụ khác;

d) Nhà máy, đơn vị sản xuất, bệnh viện, nhà ga, bến bãi xe;

e) Công trình xây dựng.

3. Cơ quan, đơn vị tổ chức thu phí Vệ sinh:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: thu Phí vệ sinh đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này thuộc địa bàn đơn vị đang được giao quản lý;

b) Trung tâm Quản lý cửa khẩu Tân Thanh – Cốc Nam, Trung tâm Quản lý cửa khẩu Hữu Nghị – Bảo Lâm, Trung tâm Quản lý cửa khẩu Chi Ma trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn: thu Phí vệ sinh đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này thuộc địa bàn đơn vị đang được giao quản lý.

c) Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Hạ tầng kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: thu Phí vệ sinh đối với các công trình xây dựng.

d) Doanh nghiệp kinh doanh chợ, các Ban quản lý chợ, đơn vị được giao nhiệm vụ khai thác, quản lý chợ trên địa bàn tỉnh: thu Phí vệ sinh đối với các hộ kinh doanh tại chợ thuộc đơn vị quản lý.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí vệ sinh thu được.

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thu Phí vệ sinh có trách nhiệm: Đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán Phí vệ sinh; Lập và giao biên lai thu phí hoặc vé cho đối tượng nộp phí; Niêm yết công khai mức thu phí tại địa điểm thu phí theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu Phí vệ sinh:

- Cơ quan, đơn vị tổ chức thu Phí vệ sinh của các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này: Được trích để lại 25% (*Hai mươi lăm phần trăm*) trên tổng số tiền phí thực thu được trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước để trang trải cho công tác tổ chức hoạt động thu Phí vệ sinh, phần phí còn lại 75% (*Bảy mươi lăm phần trăm*) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với các doanh nghiệp kinh doanh Chợ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp hiện hành: Số tiền thu Phí vệ sinh được hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp, đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước trên kết quả thu phí;

- Cơ quan, đơn vị tổ chức thu Phí vệ sinh đối với công trình xây dựng: Được trích để lại 10% (*Mười phần trăm*) trên tổng số tiền phí thực thu được trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước để trang trải cho công tác tổ chức hoạt động thu Phí vệ sinh

theo đúng quy định hiện hành, phần còn lại 90% (*Chín mươi phần trăm*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Giao trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn ban hành văn bản Hướng dẫn thực hiện; Kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn chỉ đạo các đơn vị, bộ phận chức năng liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012, thay thế Quyết định số 27/2007/QĐ-UBND ngày 01/8/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn Về mức thu, đơn vị thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn Về điều chỉnh một số mức thu Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 27/5/2011 của UBND tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung đơn vị tổ chức thu Phí vệ sinh tại Quyết định số 27/2007/QĐ-UBND ngày 01/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Bình

PHỤ LỤC:**Mức thu Phí vệ sinh áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2012/QĐ-UBND ngày 20 /7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Đối tượng nộp phí	Đơn vị tính	Thành phố, Thị trấn: Cao Lộc, Đồng Đăng; Khu vực cửa khẩu: Tân Thanh-Cốc Nam, Hữu Nghị- Bảo Lâm, Chi Ma	Các thị trấn, thị tứ và các khu vực còn lại có hoạt động thu gom rác
1	Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh	Đồng/hộ/tháng	20.000	15.000
2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của doanh nghiệp, cơ quan HCSN			
2.1	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ không thường xuyên	Đồng/hộ/ngày	2.000	2.000
2.2	Hộ kinh doanh tại chợ; hộ gia đình có cửa hàng kinh doanh tại nhà:			
a	Hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	100.000	80.000
b	Hàng rau, hoa quả	Đồng/hộ/tháng	80.000	60.000
c	Hàng hóa khác	Đồng/hộ/tháng	60.000	40.000
2.3	Kinh doanh, dịch vụ khác:			
a	Sửa chữa ô tô	Đồng/đv/tháng	200.000	150.000
b	Sửa chữa xe máy	Đồng/đv/tháng	100.000	80.000
c	Kinh doanh phế liệu	Đồng/đv/tháng	200.000	150.000
d	Dịch vụ rửa xe:			
d1	Rửa xe ô tô	Đồng/hộ/tháng	200.000	150.000
d2	Rửa xe máy	Đồng/hộ/tháng	150.000	120.000
2.4	Trường học, nhà trẻ:			

a	Trong năm học	Đồng/đv/tháng	100.000	80.000
b	Trong thời gian nghỉ hè (có tổ chức học và nhận trẻ)	Đồng/đv/tháng	60.000	40.000
2.5	Trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị HCSN			
a	Có số lượng từ 50 người trở lên	Đồng/đv/tháng	100.000	80.000
b	Có số lượng dưới 50 người	Đồng/đv/tháng	70.000	50.000
3	Cửa hàng, nhà hàng; khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ; Kinh doanh, dịch vụ khác	Đồng/m ³ rác	160.000	160.000
4	Nhà máy, đơn vị sản xuất, bệnh viện, nhà ga, bến bãi xe	Đồng/m ³ rác	160.000	160.000
5	Công trình xây dựng			
5.1	Công trình xây dựng nhà ở của tư nhân, hộ gia đình:			
a	Dưới 50m ² sàn	Đồng/công trình	150.000	100.000
b	Từ 50m ² đến 100m ² sàn	Đồng/công trình	300.000	200.000
c	Trên 100m ² đến 150m ² sàn	Đồng/công trình	450.000	300.000
d	Trên 150m ² đến 200m ² sàn	Đồng/công trình	600.000	350.000
e	Trên 200m ² đến 250m ² sàn	Đồng/công trình	800.000	500.000
f	Trên 250m ² đến 500m ² sàn	Đồng/công trình	900.000	700.000
g	Trên 500m ² sàn trở lên	Đồng/công trình	3.000.000	1.200.000
5.2	Công trình XD nhà nước, doanh nghiệp	Giá trị xây lắp công trình	0,05%	0,05%

Ghi chú: Quy định: 160.000 đ/m³ rác tại **khoản 3 và 4** nêu trên đối với các đối tượng nộp Phí vệ sinh được xác định số tiền phải nộp như sau:

+ Số tiền nộp Phí vệ sinh theo tháng = Số lượng rác thải thực tế của hộ gia đình/đơn vị/tháng x 160.000 đ/m³

+ Số tiền nộp Phí vệ sinh theo năm = Số lượng rác thải thực tế của hộ gia đình/đơn vị/tháng x 12 tháng x 160.000 đ/m³

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN